

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và Đào Thị Ngâm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn D**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường L, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mộng N**, sinh năm: 1983, Địa chỉ: Khu phố B, đường N, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố T vào ngày 26 tháng 10 năm 2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vì không hòa hợp về cách sống, ông D và bà N có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt không thể chung sống cùng nhau nữa, nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N.

- Về con chung: Có 04 con chung: 1. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005; 2. Nguyễn Anh K, sinh năm: 23/4/2008; 3. Nguyễn Đăng Q, sinh

ngày: 29/08/2013; 4. Nguyễn Đăng N, sinh ngày: 18/02/2016. Hiện nay ông Nguyễn Tấn D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung. Ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, riêng Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày: 28/10/2005 đã thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. *Về nội dung:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014. Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N

- Về con chung: có 04 con chung: 1. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005; 2. Nguyễn Anh K, sinh năm: 23/4/2008; 3. Nguyễn Đăng Q, sinh ngày: 29/08/2013; 4. Nguyễn Đăng N, sinh ngày: 18/02/2016. Hiện nay ông Nguyễn Tấn D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 04 con chung. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của các con: Giao ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Nguyễn Anh K, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N. Riêng con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005 đã thành niên nên không xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tổng đạt niêm yết theo qui định pháp luật nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T vào ngày 26 tháng 10 năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà N không còn sống chung với ông D từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ông D được ly hôn bà N.

[2.2] Về con chung: Có 04 con chung: 1. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005; 2. Nguyễn Anh K, sinh năm: 23/4/2008; 3. Nguyễn Đăng Q, sinh ngày: 29/08/2013; 4. Nguyễn Đăng N, sinh ngày: 18/02/2016. Hiện nay ông Nguyễn Tấn D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 04 con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của các con: Giao ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Nguyễn Anh K, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N.

Riêng con chung Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005 đã thành niên nên không xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014.

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Tấn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng N.

- Về con chung: Có 04 con chung: 1. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 28/10/2005; 2. Nguyễn Anh K, sinh năm: 23/4/2008; 3. Nguyễn Đăng Q, sinh ngày: 29/08/2013; 4. Nguyễn Đăng N, sinh ngày: 18/02/2016. Hiện nay ông Nguyễn Tấn D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 04 con chung.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của các con: Giao ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung: Nguyễn Anh K, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Đăng N. Riêng con chung Nguyễn Tuấn A, đã thành niên nên không xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Nguyễn Tấn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002337 ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường M, TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Hưng**